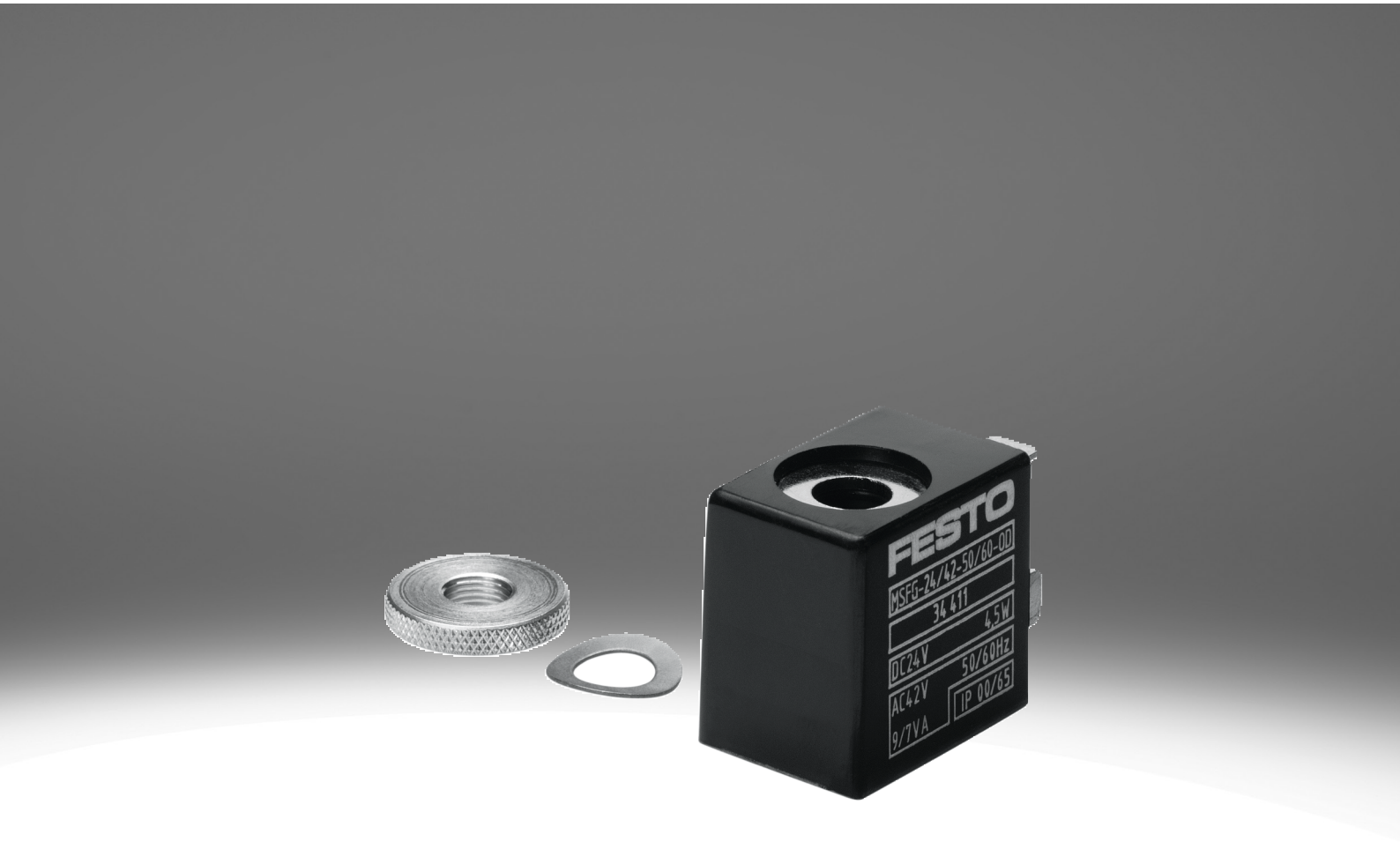
Cuộn điện từ MSFG, MSFW



Mã mẫu

001	Dòng	
MSFW	Cuộn điện từ MSFW, cho dòng điện xoay chiều	
MH	Cuộn dây điện từ MH	
MSG	Cuộn dây từ tính MSG, cho dòng điện một chiều	
MD	Cuộn dây điện từ MD	
MSFG	Cuộn dây điện từ MSG, cho dòng điện một chiều	
MSN1W	Cuộn điện từ MSN1W, cho dòng điện xoay chiều	
MSN1G	Cuộn dây từ tính MSN1G, cho dòng điện một chiều	
MSW	Cuộn điện từ MSW, cho dòng điện xoay chiều	

002	Điện áp hoạt động	
12	12 V DC	
12DC	12 V DC	
24	24 V DC	
24DC	24 V DC	
24VDC	24 V DC	
24AC	24 V AC	
24/42-50/60	24 V DC và 42 V AC, 50/60 Hz	
24AC/12DC	24 V AC và 12 V DC	
24-50/60	24 V AC, 50/60 Hz	
42	42 V DC	
42AC	42 V AC	
42AC-60	42 V AC, 60 Hz	
48AC	48 V AC	
48-50/60	48 V AC, 50/60 Hz	
110AC	110 V AC	
110VAC	110 V AC	
110-50/60	110 V AC, 50/60 Hz	
110AC-60	110 V AC, 60 Hz	
230AC	230 V AC	
230VAC	230 V AC	
230-50/60	230 V AC, 50/60 Hz	
230AC-60	230 V AC, 60 Hz	
240AC	240 V AC	
240-50/60	240 V AC, 50/60 Hz	

003	Cổng nối điện	
	Giắc cắm theo tiêu chuẩn công nghiệp, dạng B	
DS	Giắc cắm EN 175301, dạng A	
PA	Kiểu kết nối theo EN 175301-803, dạng A	

004	Ổ cắm	
	Không có	
P	Với	

005	Chống cháy nổ	
EX	Chống cháy nổ theo EN 50 028	

Bảng dữ liệu

Dữ liệu kỹ thuật chung - cuộn điện từ MSF



Điện áp hoạt động	12 V DC	24 V DC và 42 V AC, 50/60 Hz	24 V AC, 50/60 Hz	42 V DC	48 V AC, 50/60 Hz	110 V AC, 50/60 Hz	230 V AC, 50/60 Hz	240 V AC, 50/60 Hz
Cổng nối điện	3 cực; Phích cắm cờ với sơ đồ kết nối theo tiêu chuẩn Festo cho MSSD-F							
Kiểu gắn	với đai ốc có khía							
Mô men xoắn siết tối đa giắc cắm	0,4 N m							
Vị trí lắp đặt	bất kì							
Hiển thị vị trí chuyển mạch	không							
trọng lượng sản phẩm	55 g							

Thông số kỹ thuật chung – Cuộn điện từ MSF trang bị đầu nối điện khác chuẩn

Điện áp hoạt động	24 V DC và 42 V AC, 50/60 Hz		110 V AC, 50/60 Hz	230 V AC, 50/60 Hz	
Ổ cắm	Đã bao gồm trong phạm vi giao hàng	Không bao gồm trong phạm vi giao hàng	Đã bao gồm trong phạm vi giao hàng		Không bao gồm trong phạm vi giao hàng
Cổng nối điện	Dạng A; theo DIN EN 175301-803	theo DIN EN 175301-803	Dạng A; theo DIN EN 175301-803		
Kiểu gắn	với đai ốc có khía				
Mô men xoắn siết tối đa giắc cắm	0,4 N m				
Vị trí lắp đặt	bất kì				
Hiển thị vị trí chuyển mạch	không				
trọng lượng sản phẩm	55 g				

Thông số kỹ thuật chung - Cuộn điện từ MSF theo Chỉ thị EU về phòng chống cháy nổ (ATEX)

Cổng nối điện	3 cực Phích cắm cờ với sơ đồ kết nối theo tiêu chuẩn Festo cho MSSD-F
Kiểu gắn	với đai ốc có khía
Mô men xoắn siết tối đa giắc cắm	0,4 N m
Vị trí lắp đặt	bất kì
Hiển thị vị trí chuyển mạch	–
trọng lượng sản phẩm	55 g

Thông số kỹ thuật điện - cuộn điện từ MSF

Điện áp hoạt động	12 V DC	24 V DC và 42 V AC, 50/60 Hz	24 V AC, 50/60 Hz	42 V DC	48 V AC, 50/60 Hz	110 V AC, 50/60 Hz	230 V AC, 50/60 Hz	240 V AC, 50/60 Hz
Giá trị đặc trưng cuộn dây	12 V DC: 4,1 W	24 V DC: 4,5 W; 42 V AC: 50/60 Hz, nguồn khởi động 9,0 VA, nguồn giữ 7,0 VA	24 V AC: 50/60 Hz, nguồn khởi động 9,0 VA, nguồn giữ 7,0 VA	42 V DC: 5,5 W	48 V AC: 50/60 Hz, nguồn khởi động 9,0 VA, nguồn giữ 7,0 VA	110 V AC: 50/60 Hz, nguồn khởi động 9,0 VA, nguồn giữ 7,0 VA	230 V AC: 50/60 Hz, nguồn khởi động 9,0 VA, nguồn giữ 7,0 VA	240 V AC: 50/60 Hz, nguồn khởi động 9,0 VA, nguồn giữ 7,0 VA
Dao động điện áp cho phép	+/- 10%							
Tần số dao động cho phép	–	+/- 5%		–	+/- 5%			
Thời gian bật	100%							
hệ số công suất cos {phi}	–	0,7		–	0,7			
Thời gian siết tối thiểu	10 ms							
Mức độ bảo vệ	IP65							

Bảng dữ liệu

Thông số kỹ thuật điện – Cuộn điện từ MSF theo Chỉ thị của EU về phòng chống cháy nổ (ATEX)				
Điện áp hoạt động	24 V DC	24 V AC, 50/60 Hz	110 V AC, 50/60 Hz	230 V AC, 50/60 Hz
Giá trị đặc trưng cuộn dây	24 V DC: 4,5 W	24 V AC: 50/60 Hz, nguồn khởi động 9,0 VA, nguồn giữ 7,0 VA	110 V AC: 50/60 Hz, nguồn khởi động 9,0 VA, nguồn giữ 7,0 VA	230 V AC: 50/60 Hz, nguồn khởi động 9,0 VA, nguồn giữ 7,0 VA
Dao động điện áp cho phép	+/- 10%			
Tần số dao động cho phép	–	+/- 5%		
Thời gian bật	100%			
hệ số công suất cos {phi}	–	0,7		
Thời gian siết tối thiểu	10 ms			
Mức độ bảo vệ	IP65			

ATEX - Cuộn điện từ MSF theo Chỉ thị của EU về phòng chống cháy nổ (ATEX)	
Danh mục ATEX Khí	II 3G
Loại chống cháy nổ Khí	Ex nA IIC T4 X Gc
Danh mục ATEX Bụi	II 3D
Loại chống cháy nổ Bụi	Ex tc IIIC T130°C X Dc IP65
Nhiệt độ môi trường xung quanh ngoài	–5°C <= Ta <= +40°C
Phê duyệt bảo vệ Ex bên ngoài Liên minh Châu Âu	EPL DC (CN) EPL Gc (CN)

Vật liệu - Cuộn điện từ MSF										
Điện áp hoạt động	12 V DC	24 V DC và 42 V AC, 50/60 Hz		24 V AC, 50/60 Hz	42 V DC	48 V AC, 50/60 Hz	110 V AC, 50/60 Hz		230 V AC, 50/60 Hz	240 V AC, 50/60 Hz
Cổng nối điện	3 cực, Phích cắm cờ với sơ đồ kết nối theo tiêu chuẩn Festo cho MSSD-F	theo DIN EN 175301-803	Dạng A, theo DIN EN 175301-803	3 cực, Phích cắm cờ với sơ đồ kết nối theo tiêu chuẩn Festo cho MSSD-F				Dạng A, theo DIN EN 175301-803	3 cực, Phích cắm cờ với sơ đồ kết nối theo tiêu chuẩn Festo cho MSSD-F	Dạng A, theo DIN EN 175301-803	3 cực, Phích cắm cờ với sơ đồ kết nối theo tiêu chuẩn Festo cho MSSD-F
Vật liệu cuộn dây điện từ	Chất dẻo nhiệt rắn, Đồng, Thép										
Vật liệu cuộn dây	Đồng										
Ghi chú vật liệu	Tuân thủ RoHS										
Tuân thủ LABS	VDMA24364-C1-L									VDMA24364-B2-L, VDMA24364-C1-L	VDMA24364-C1-L

Vật liệu - Cuộn điện từ MSF theo Chỉ thị EU về phòng chống cháy nổ (ATEX)	
Vật liệu cuộn dây điện từ	Chất dẻo nhiệt rắn, Đồng, Thép
Vật liệu cuộn dây	Đồng
Ghi chú vật liệu	Tuân thủ RoHS
Tuân thủ LABS	VDMA24364-B2-L

Các điều kiện vận hành và môi trường - Cuộn điện từ MSF								
Điện áp hoạt động	12 V DC	24 V DC và 42 V AC, 50/60 Hz	24 V AC, 50/60 Hz	42 V DC	48 V AC, 50/60 Hz	110 V AC, 50/60 Hz	230 V AC, 50/60 Hz	240 V AC, 50/60 Hz
Nhiệt độ môi trường xung quanh	-5 ... 40°C							
Dấu CE (xem tuyên bố về sự phù hợp)	–					theo chỉ thị điện áp thấp của EU		
Dấu UKCA (xem tuyên bố về sự phù hợp)	–					theo quy định của Vương quốc Anh đối với thiết bị điện		

Bảng dữ liệu

Điều kiện vận hành và môi trường - Cuộn điện từ MSF theo Chỉ thị EU về phòng chống cháy nổ (ATEX)				
Điện áp hoạt động	24 V DC	24 V AC, 50/60 Hz	110 V AC, 50/60 Hz	230 V AC, 50/60 Hz
Nhiệt độ môi trường xung quanh	-5 ... 40°C			
Dấu CE (xem tuyên bố về sự phù hợp)[1]	theo chỉ thị chống cháy nổ của EU (ATEX)		theo chỉ thị chống cháy nổ của EU (ATEX) theo chỉ thị điện áp thấp của EU	
Dấu UKCA (xem tuyên bố về sự phù hợp)[2]	–			

1) Thông tin thêm www.festo.com/catalogue/... -> Support/Downloads.
2) Thông tin thêm www.festo.com/catalogue/... -> Support/Downloads.

Thông số kỹ thuật chung - cuộn điện từ BMSF



Cổng nối điện	3 cực, Phích cắm cờ với sơ đồ kết nối theo tiêu chuẩn Festo cho MSSD-F
Kiểu gắn	với đai ốc có khía
Mô men xoắn siết tối đa giắc cắm	0,4 N m
Vị trí lắp đặt	bất kì
Hiển thị vị trí chuyển mạch	không
trọng lượng sản phẩm	55 g

Thông số kỹ thuật điện - Cuộn điện từ BMSF

Cổng nối điện	3 cực, Phích cắm cờ với sơ đồ kết nối theo tiêu chuẩn Festo cho MSSD-F
Giá trị đặc trưng cuộn dây	120 V AC: 60 Hz, nguồn khởi động 10,0 VA, nguồn giữ 8 VA
Dao động điện áp cho phép	+/- 10%
Tần số dao động cho phép	+/- 5%
Thời gian bật	100%
hệ số công suất cos {phi}	0,7
Thời gian siết tối thiểu	10 ms
Mức độ bảo vệ	IP65

Vật liệu - Cuộn điện từ BMSF

Vật liệu cuộn dây điện từ	Chất dẻo nhiệt rắn, Đồng, Thép
Vật liệu cuộn dây	Đồng
Ghi chú vật liệu	Tuân thủ RoHS
Tuân thủ LABS	VDMA24364-C1-L

Các điều kiện vận hành và môi trường - Cuộn điện từ BMSF

Nhiệt độ môi trường xung quanh	-5 ... 40°C
Dấu CE (xem tuyên bố về sự phù hợp)[1]	theo chỉ thị điện áp thấp của EU
Dấu UKCA (xem tuyên bố về sự phù hợp)[2]	theo quy định của Vương quốc Anh đối với thiết bị điện

1) Thông tin thêm www.festo.com/catalogue/... -> Support/Downloads.
2) Thông tin thêm www.festo.com/catalogue/... -> Support/Downloads.

Bảng dữ liệu

Thông số kỹ thuật chung - cuộn điện từ MH



Cổng nối điện	theo DIN EN 175301-803
Kiểu gắn	với đai ốc khóa
Kết nối vít mô-men xoắn cực đại	2
Vị trí lắp đặt	bất kì
Hiển thị vị trí chuyển mạch	không
trọng lượng sản phẩm	150 g

Thông số kỹ thuật điện - Cuộn điện từ MH

Điện áp hoạt động	24 V DC	110 V AC	230 V AC
Giá trị đặc trưng cuộn dây	24 V DC: 7,9 W	110 V AC: 14,0 VA	230 V AC: 14,0 VA
Thời gian siết tối thiểu	12		
Dao động điện áp cho phép	+/- 10%		
Tần số dao động cho phép	+/- 10%		
Thời gian bật	100%		
hệ số công suất cos {phi}	0,7		
Mức độ bảo vệ	IP65		
Lưu ý về mức độ bảo vệ	IP00 không ổ cắm thiết bị		

Vật liệu - Cuộn điện từ MH

Vật liệu cuộn dây điện từ	Chất dẻo nhiệt rắn, Đồng, Thép
Vật liệu cuộn dây	Đồng
Tuân thủ LABS	VDMA24364 Vùng III

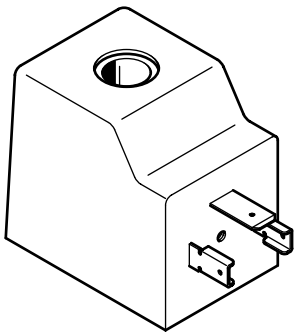
Các điều kiện vận hành và môi trường - Cuộn điện từ MH

Điện áp hoạt động	24 V DC	110 V AC	230 V AC
Nhiệt độ môi trường xung quanh	-20 ... 50°C		
Dấu CE (xem tuyên bố về sự phù hợp)[1)]	–	theo chỉ thị điện áp thấp của EU	
Dấu UKCA (xem tuyên bố về sự phù hợp)[2)]	–	theo quy định của Vương quốc Anh đối với thiết bị điện	

1) Thông tin thêm www.festo.com/catalogue/... -> Support/Downloads.
2) Thông tin thêm www.festo.com/catalogue/... -> Support/Downloads.

Bảng dữ liệu

Thông số kỹ thuật chung - cuộn điện từ MS



Cổng nối điện	Dạng A; Giắc cắm; theo EN 175301-803
Kiểu vận hành	điện
Kiểu gắn	Ổ cắm lục giác ngoài 1/8; Kẹp giữ
Vị trí lắp đặt	bất kì

Thông số kỹ thuật điện - cuộn điện từ MS

Điện áp hoạt động	12 V DC	24 V DC	24 V AC	42 V AC	42 V AC, 60 Hz	48 V AC
Giá trị đặc trưng cuộn dây	12 V DC: 11,7 W	24 V DC: 11,5 W	24 V AC: 50 Hz, nguồn khởi động 30,0 VA, nguồn giữ 22,0 VA	42 V AC: 50 Hz, công suất thu 30 VA, công suất giữ 22 VA	42 V AC: 60 Hz, công suất thu 36 VA, công suất giữ 28 VA	48 V AC: 50 Hz, nguồn khởi động 30,0 VA, nguồn giữ 22,0 VA
Thời gian siết tối thiểu	10 ms					
Dao động điện áp cho phép	+/- 10%					
Thời gian bật	100%					
Lớp cách nhiệt	F					
Mức độ bảo vệ	IP65					

Thông số kỹ thuật điện - cuộn điện từ MS

Điện áp hoạt động	110 V AC	110 V AC, 60 Hz	230 V AC	230 V AC, 60 Hz	240 V AC
Giá trị đặc trưng cuộn dây	110 V AC: 50 Hz, công suất thu 30 VA, công suất giữ 22 VA	110 V AC: 60 Hz, công suất thu 36 VA, công suất giữ 28 VA	230 V AC: 50 Hz, công suất thu 30 VA, công suất giữ 22 VA	220 V AC: 60 Hz, công suất thu 36 VA, công suất giữ 28 VA	240 V AC: 50 Hz, nguồn khởi động 30,0 VA, nguồn giữ 22,0 VA
Thời gian siết tối thiểu	10 ms				
Dao động điện áp cho phép	+/- 10%				
Thời gian bật	100%				
Lớp cách nhiệt	F				
Mức độ bảo vệ	IP65				

Vật liệu - cuộn điện từ MS

Vật liệu cuộn dây điện từ	Chất dẻo nhiệt rắn
Vật liệu các tiếp điểm phích cắm	Đồng thau, tráng thiếc
Vật liệu cuộn dây	Đồng
Ghi chú vật liệu	Tuân thủ RoHS
Tuân thủ LABS	VDMA24364-C1-L

Bảng dữ liệu

Các điều kiện vận hành và môi trường - Cuộn điện từ MS						
Điện áp hoạt động	12 V DC	24 V DC	24 V AC	42 V AC	42 V AC, 60 Hz	48 V AC
Nhiệt độ môi trường xung quanh	-5 ... 50°C					
Nhiệt độ bảo quản	-10 ... 60°C					
Dấu CE (xem tuyên bố về sự phù hợp)[1)]	–					
Dấu UKCA (xem tuyên bố về sự phù hợp)[2)]	–					

1) Thông tin thêm www.festo.com/catalogue/... -> Support/Downloads.
2) Thông tin thêm www.festo.com/catalogue/... -> Support/Downloads.

Các điều kiện vận hành và môi trường - Cuộn điện từ MS					
Điện áp hoạt động	110 V AC	110 V AC, 60 Hz	230 V AC	230 V AC, 60 Hz	240 V AC
Nhiệt độ môi trường xung quanh	-5 ... 50°C				
Nhiệt độ bảo quản	-10 ... 60°C				
Dấu CE (xem tuyên bố về sự phù hợp)[1)]	theo chỉ thị điện áp thấp của EU				
Dấu UKCA (xem tuyên bố về sự phù hợp)[2)]	theo quy định của Vương quốc Anh đối với thiết bị điện				

1) Thông tin thêm www.festo.com/catalogue/... -> Support/Downloads.
2) Thông tin thêm www.festo.com/catalogue/... -> Support/Downloads.

Thông số kỹ thuật chung - Cuộn điện từ MD



Điện áp hoạt động	24 V DC	110 V AC	230 V AC
Cổng nối điện	theo DIN EN 175301-803		
Kiểu vận hành	–	điện	
Kiểu gắn	với đai ốc có khía		
Kết nối vít mô-men xoắn cực đại	0,5 N m		
Vị trí lắp đặt	bất kì		
trọng lượng sản phẩm	110 g		

Thông số kỹ thuật điện - Cuộn điện từ MD

Điện áp hoạt động	24 V DC	110 V AC	230 V AC
Giá trị đặc trưng cuộn dây	24 V DC: 6,8 W	110 V AC: 50/60 Hz, nguồn khởi động 14,5 VA, nguồn giữ 10,5 VA	230 V AC: 50/60 Hz, nguồn khởi động 14,5 VA, nguồn giữ 10,5 VA
Dao động điện áp cho phép	+/- 10%		
Tần số dao động cho phép	–	+/- 10%	
Thời gian bật	100%		
hệ số công suất cos {phi}	–	0,7	
Mức độ bảo vệ	IP65		

Bảng dữ liệu

Vật liệu - Cuộn điện từ MD	
Vật liệu cuộn dây điện từ	Chất dẻo nhiệt rắn, Đồng, Thép
Vật liệu cuộn dây	Đồng
Ghi chú vật liệu	Tuân thủ RoHS
Tuân thủ LABS	VDMA24364-B2-L

Các điều kiện vận hành và môi trường - Cuộn điện từ MD			
Điện áp hoạt động	24 V DC	110 V AC	230 V AC
Nhiệt độ môi trường xung quanh	-20 ... 50°C		
Dấu CE (xem tuyên bố về sự phù hợp)[1)]	–	theo chỉ thị điện áp thấp của EU	
Dấu UKCA (xem tuyên bố về sự phù hợp)[2)]	–	theo quy định của Vương quốc Anh đối với thiết bị điện	

1) Thông tin thêm www.festo.com/catalogue/... -> Support/Downloads.
2) Thông tin thêm www.festo.com/catalogue/... -> Support/Downloads.

Thông số kỹ thuật chung - cuộn điện từ MSN1



Điện áp hoạt động	24 V DC	24 V AC và 12 V DC	110 V AC	230 V AC
Cổng nối điện	3 cực; Dạng A; theo DIN EN 175301-803	3 cực; Dạng A; kẹp được; theo DIN EN 175301-803	3 cực; Dạng A; theo DIN EN 175301-803	
Kiểu gắn	mắc kẹt, với kẹp giữ lại, với phụ kiện	mắc kẹt, với kẹp giữ lại	mắc kẹt, với kẹp giữ lại, với phụ kiện	
Vị trí lắp đặt	bất kì			
trọng lượng sản phẩm	80 g			

Thông số kỹ thuật điện - cuộn điện từ MSN1

Điện áp hoạt động	24 V DC	24 V AC và 12 V DC	110 V AC	230 V AC
Giá trị đặc trưng cuộn dây	24 V DC: 2,5 W	12 V DC: 5,0 W 24 V AC: 50 Hz, nguồn khởi động 7,5 VA, nguồn giữ 5,0 VA 24 V AC: 60 Hz, nguồn khởi động 5,0 VA, nguồn giữ 3,7 VA	110 V AC: 50 Hz, nguồn khởi động 7,5 VA, nguồn giữ 5,0 VA 110 V AC: 60 Hz, nguồn khởi động 5,0 VA, nguồn giữ 3,7 VA 120 V AC: 60 Hz, nguồn khởi động 5,0 VA, nguồn giữ 3,7 VA	230 V AC: 50 Hz, nguồn khởi động 7,5 VA, nguồn giữ 5,0 VA 230 V AC: 60 Hz, nguồn khởi động 5,0 VA, nguồn giữ 3,7 VA
Thời gian siết tối thiểu	10 ms			
Dao động điện áp cho phép	-15% / +10%	với 50Hz ±10%, ở 60Hz -10...+20%		+/- 10%
Thời gian bật	100%			
hệ số công suất cos {phi}	–	0,7		
Mức độ bảo vệ	IP65			

Vật liệu - Cuộn điện từ MSN1	
Vật liệu vỏ	PA
Vật liệu các tiếp điểm phích cắm	Thép
Vật liệu cuộn dây	Đồng
Tuân thủ LABS	VDMA24364-C1-L

Bảng dữ liệu

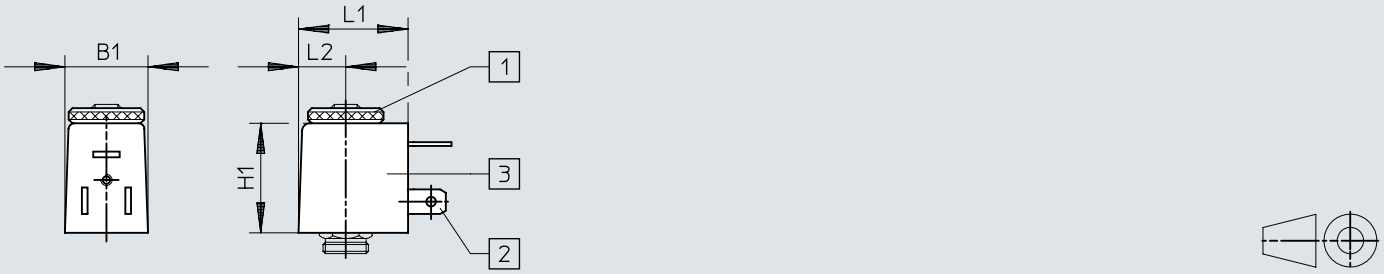
Các điều kiện vận hành và môi trường - Cuộn điện từ MSN1				
Điện áp hoạt động	24 V DC	24 V AC và 12 V DC	110 V AC	230 V AC
Nhiệt độ môi trường xung quanh	-10 ... 50°C			
Nhiệt độ trung bình	-10 ... 50°C			
Dấu CE (xem tuyên bố về sự phù hợp)[1]	–		theo chỉ thị điện áp thấp của EU	
Dấu UKCA (xem tuyên bố về sự phù hợp)[2]	–		theo quy định của Vương quốc Anh đối với thiết bị điện	
Giấy phép	c UL us - Recognized (OL)	–		

1) Thông tin thêm www.festo.com/catalogue/... -> Support/Downloads.
2) Thông tin thêm www.festo.com/catalogue/... -> Support/Downloads.

Kích thước

Kích thước – Các cuộn điện từ MSF

Tải xuống dữ liệu CAD www.festo.com

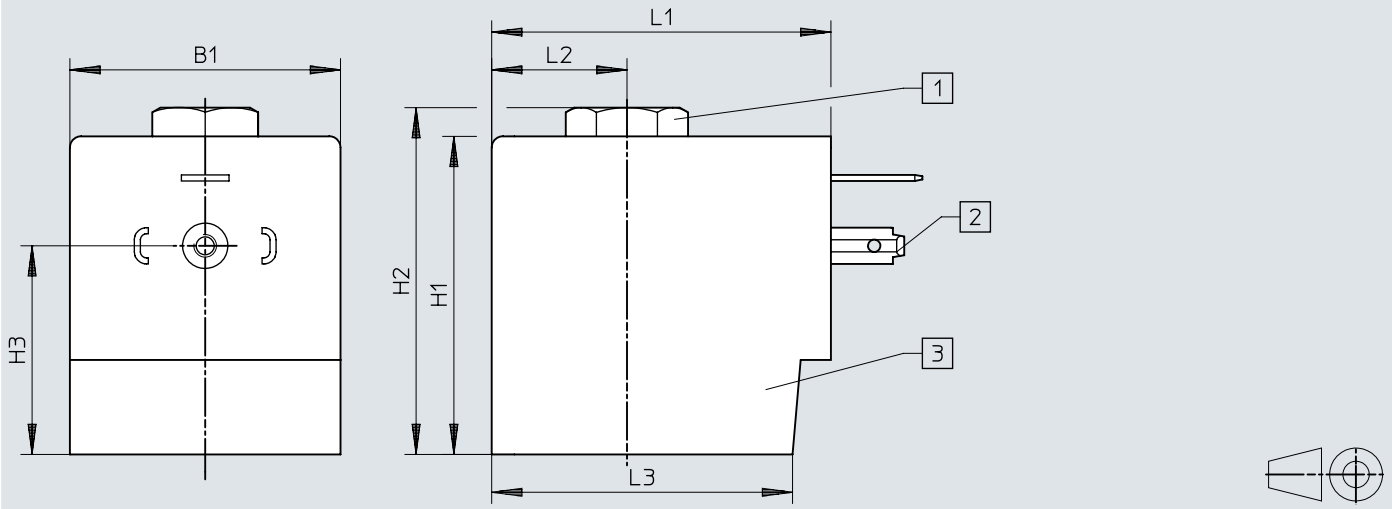


[1] Đai ốc gắn
[2] Cuộn điện từ (xoay 360° trên ống neo)
[3] Cờ giắc cắm

	B1	H1	H2	L1	L2
MSFG-...	22	29	33,8	29,5	12,5
MSFW-...					
MSFG-...-EX					
MSFW-...-EX					

Kích thước

Kích thước – Các cuộn điện từ MH Tải xuống dữ liệu CAD www.festo.com

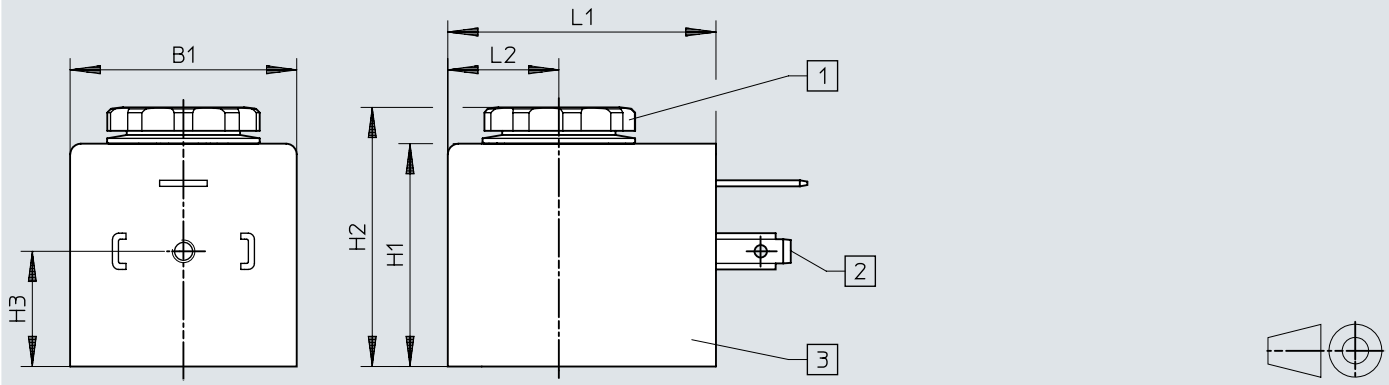


[1] Đai ốc 6KT G1/8
[2] Mẫu giắc cắm theo EN 175301-803, Mẫu A
[3] Cuộn điện từ

	B1 -0,2	H1 +0,3	H2 +1 -0,5	H3	L1 +0,2 -0,4	L2	L3
MH-2-24VDC-PA	35,8	42,1	45,9	27,6	45,5	18	39,8
MH-2-110VAC-PA							
MH-2-230VAC-PA							

Kích thước

Kích thước – Các cuộn điện từ MD Tải xuống dữ liệu CAD www.festo.com

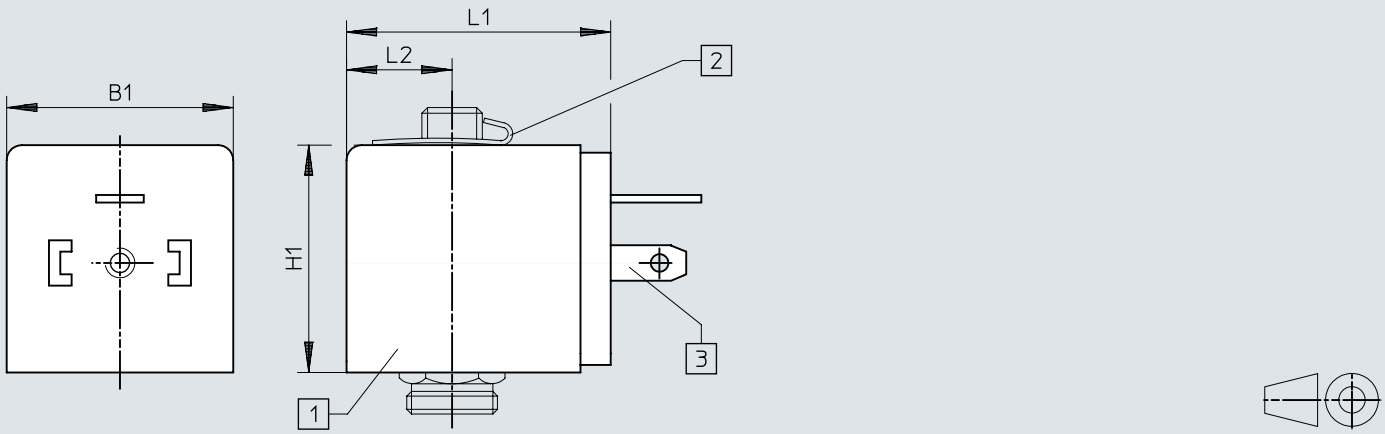


[1] Đai ốc có khía M8x0,75
[2] Mẫu giắc cắm theo EN 175301-803, Mẫu A
[3] Cuộn điện từ

	B1 -0,6	H1 +0,3	H2	H3	L1 +0,2 -0,4	L2 ±0,2
MD-2-24VDC-PA	30	29,5	34,3	15,3	35,5	14,7
MD-2-110VAC-PA						
MD-2-230VAC-PA						

Kích thước

Kích thước – Cuộn điện từ MSN1 Tải xuống dữ liệu CAD www.festo.com



[1] Cuộn điện từ có thể xoay được trên ống neo
[2] Kẹp gắn
[3] Cờ giắc cắm

	B1 -0,1 0,8	H1 -0,4	L1 ±0,2	L2 +0,2 -0,1
MSN1W-24AC/12DC	30	30	35,5	14,5
MSN1G-24DC-OD				
MSN1W-110AC-OD				
MSN1W-230AC-OD				

Thông tin đặt hàng

Thông tin đặt hàng - Cuộn điện từ MSF



Cổng nối điện	Điện áp hoạt động	Ổ cắm	trọng lượng sản phẩm	Số bộ phận	Loại
3 cực, Phích cắm cờ với sơ đồ kết nối theo tiêu chuẩn Festo cho MSSD-F	12 V DC	Đã bao gồm trong phạm vi giao hàng	55 g	**4526**	**MSFG-12**
		Không bao gồm trong phạm vi giao hàng		**34410**	**MSFG-12-OD**
	24 V DC và 42 V AC, 50/60 Hz	Đã bao gồm trong phạm vi giao hàng		**4527**	**MSFG-24/42-50/60**
		Không bao gồm trong phạm vi giao hàng		**34411**	**MSFG-24/42-50/60-OD**
	24 V AC, 50/60 Hz	Đã bao gồm trong phạm vi giao hàng		**4534**	**MSFW-24-50/60**
		Không bao gồm trong phạm vi giao hàng		**34415**	**MSFW-24-50/60-OD**
	42 V DC			**34413**	**MSFG-42-OD**
	48 V AC, 50/60 Hz			**34418**	**MSFW-48-50/60-OD**
	110 V AC, 50/60 Hz	Đã bao gồm trong phạm vi giao hàng		**6720**	**MSFW-110-50/60**
		Không bao gồm trong phạm vi giao hàng		**34420**	**MSFW-110-50/60-OD**
	230 V AC, 50/60 Hz	Đã bao gồm trong phạm vi giao hàng		**4540**	**MSFW-230-50/60**
		Không bao gồm trong phạm vi giao hàng		**34422**	**MSFW-230-50/60-OD**
	240 V AC, 50/60 Hz			**34424**	**MSFW-240-50/60-OD**
Dạng A, theo DIN EN 175301-803	24 V DC và 42 V AC, 50/60 Hz	Đã bao gồm trong phạm vi giao hàng		**13264**	**MSFG-24/42-50/60-DS**
	110 V AC, 50/60 Hz			**13265**	**MSFW-110-50/60-DS**
	230 V AC, 50/60 Hz			**13266**	**MSFW-230-50/60-DS**
		Không bao gồm trong phạm vi giao hàng		**175118**	**MSFW-230-50/60-DS-OD**
theo DIN EN 175301-803	24 V DC và 42 V AC, 50/60 Hz			**34412**	**MSFG-24/42-50/60-DS-OD**

Thông tin đặt hàng - Cuộn điện từ MSF theo Chỉ thị EU về phòng chống cháy nổ (ATEX)



Cổng nối điện	Điện áp hoạt động	Số bộ phận	Loại
3 cực, Phích cắm cờ với sơ đồ kết nối theo tiêu chuẩn Festo cho MSSD-F	24 V DC	**536931**	**MSFG-24-EX**
	24 V AC, 50/60 Hz	**536932**	**MSFW-24-50/60-EX**
	110 V AC, 50/60 Hz	**536933**	**MSFW-110-50/60-EX**
	230 V AC, 50/60 Hz	**536934**	**MSFW-230-50/60-EX**

Thông tin đặt hàng - Cuộn điện từ BMSF



Cổng nối điện	Điện áp hoạt động [1)]	Số bộ phận	Loại
3 cực, Phích cắm cờ với sơ đồ kết nối theo tiêu chuẩn Festo cho MSSD-F	120 V DC và 60 V AC	**104080**	**BMSFW-120/60**

1) Một số loại được chọn chỉ có sẵn tại một số quốc gia nhất định.

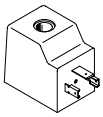
Thông tin đặt hàng

Thông tin đặt hàng - Cuộn điện từ MH



Cổng nối điện	Điện áp hoạt động	Số bộ phận	Loại
theo DIN EN 175301-803	24 V DC	**549906**	**MH-2-24VDC-PA**
	110 V AC	**549907**	**MH-2-110VAC-PA**
	230 V AC	**549908**	**MH-2-230VAC-PA**

Thông tin đặt hàng - Cuộn điện từ MS



Cổng nối điện	Điện áp hoạt động	trọng lượng sản phẩm	Số bộ phận	Loại
Dạng A, Giắc cắm, theo EN 175301-803	12 V DC	150 g	**34400**	**MSG-12DC-OD**
		175 g	**3598**	**MSG-12DC**
	24 V DC	150 g	**34401**	**MSG-24-OD**
		175 g	**3599**	**MSG-24DC**
	24 V AC	150 g	**34402**	**MSW-24AC-OD**
		175 g	**3589**	**MSW-24AC**
	42 V AC	150 g	**34403**	**MSW-42AC-OD**
		175 g	**3594**	**MSW-42AC**
	42 V AC, 60 Hz		**7705**	**MSW-42AC-60**
	48 V AC	150 g	**34404**	**MSW-48AC-OD**
	110 V AC		**34405**	**MSW-110AC-OD**
		175 g	**3591**	**MSW-110AC**
	110 V AC, 60 Hz	150 g	**34406**	**MSW-110AC-60-OD**
	230 V AC		**34407**	**MSW-230AC-OD**
		175 g	**3592**	**MSW-230AC**
	230 V AC, 60 Hz	150 g	**34408**	**MSW-230AC-60-OD**
	240 V AC		**34409**	**MSW-240AC-OD**

Thông tin đặt hàng - Cuộn điện từ MD



Cổng nối điện	Điện áp hoạt động	Số bộ phận	Loại
theo DIN EN 175301-803	24 V DC	**549903**	**MD-2-24VDC-PA**
	110 V AC	**549904**	**MD-2-110VAC-PA**
	230 V AC	**549905**	**MD-2-230VAC-PA**

Thông tin đặt hàng

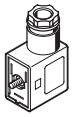
Thông tin đặt hàng - Cuộn điện từ MSN1



Cổng nối điện	Điện áp hoạt động	Số bộ phận	Loại
3 cực, Dạng A, theo DIN EN 175301-803	24 V DC	**123060**	**MSN1G-24DC-OD**
3 cực, Dạng A, kẹp được, theo DIN EN 175301-803	24 V AC và 12 V DC	**170152**	**MSN1W-24AC/12DC**
3 cực, Dạng A, theo DIN EN 175301-803	110 V AC	**123061**	**MSN1W-110AC-OD**
	230 V AC	**123062**	**MSN1W-230AC-OD**

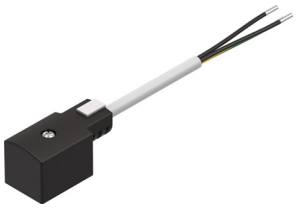
Phụ kiện

Giắc cắm



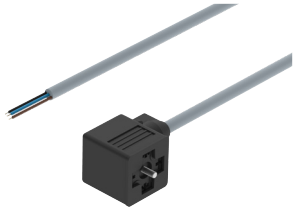
Cổng nối điện 1, công nghệ kết nối	Cổng nối điện 2, công nghệ kết nối	Dải điện áp hoạt động DC	Mặt cắt danh định của dây dẫn	Số bộ phận	Loại
Dạng A theo EN 175301-803	Tiêu chuẩn			**539709**	**MSSD-C-M16**
		0 ... 300 V	1,5 mm²	**34583**	**MSSD-C**
Dạng B theo tiêu chuẩn công nghiệp 11 mm		0 ... 250 V	0,75 mm²	**539710**	**MSSD-F-M16**
			1,5 mm²	**34431**	**MSSD-F**
Dạng A theo EN 175301-803		0 ... 24 V		**550067**	**MSSD-N**

Cáp kết nối, vật liệu vỏ cáp PVC



Dòng	Điện áp hoạt động danh định DC	Chiều dài cáp	Số bộ phận	Loại
Cáp kết nối cho van, ổ cắm dạng A, EN 175301-803		2,5 m	**30932**	**KMC-1-230AC-2,5**
Cáp kết nối cho van, ổ cắm dạng B theo tiêu chuẩn công nghiệp 11 mm			**30936**	**KMF-1-230AC-2.5**
Cáp kết nối cho van, ổ cắm dạng A, EN 175301-803		5 m	**30934**	**KMC-1-230AC-5**
Cáp kết nối cho van, ổ cắm dạng B theo tiêu chuẩn công nghiệp 11 mm			**30938**	**KMF-1-230AC-5**
	24 V	2,5 m	**30935**	**KMF-1-24DC-2.5-LED**
Cáp kết nối cho van, ổ cắm dạng A, EN 175301-803			**30931**	**KMC-1-24DC-2,5-LED**
		5 m	**30933**	**KMC-1-24DC-5-LED**
Cáp kết nối cho van, ổ cắm dạng B theo tiêu chuẩn công nghiệp 11 mm			**30937**	**KMF-1-24DC-5-LED**
Cáp kết nối cho van, ổ cắm dạng A, EN 175301-803		10 m	**193459**	**KMC-1-24-10-LED**
Cáp kết nối cho van, ổ cắm dạng B theo tiêu chuẩn công nghiệp 11 mm			**193458**	**KMF-1-24-10-LED**

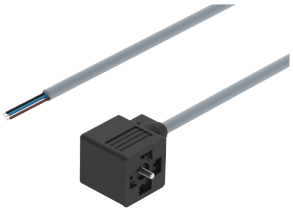
Cáp kết nối, vật liệu vỏ cáp TPE-U(PUR)



Cổng nối điện 1, công nghệ kết nối	Điện áp hoạt động danh định DC	Chiều dài cáp	Số bộ phận	Loại
Kiểu kết nối A dựa trên EN 175301-803	24 V	0,3 m	**3679771**	**NEBV-A1W3F-P-K-0.3-N-M12W3**
		0,6 m	**3679776**	**NEBV-A1W3F-P-K-0.6-N-LE3**
			3679772	**NEBV-A1W3F-P-K-0.6-N-M12W3**
	110 V	0,3 m	**3579461**	**NEBV-A1W3-K-0.3-N-M12W3**
		0,6 m	**3579462**	**NEBV-A1W3-K-0.6-N-M12W3**

Phụ kiện

Cáp kết nối, vật liệu vỏ cáp TPE-U(PUR)



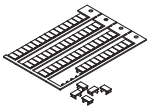
Cổng nối điện 1, công nghệ kết nối	Điện áp hoạt động danh định DC	Chiều dài cáp	Số bộ phận	Loại
Kiểu kết nối A dựa trên EN 175301-803	230 V	0,6 m	**3579466**	**NEBV-A1W3-K-0.6-N-LE3**
Mẫu kết nối dạng B theo tiêu chuẩn công nghiệp 11 mm	24 V	0,3 m	**3679773**	**NEBV-B2W3F-P-K-0.3-N-M12W3**
		0,6 m	**3679774**	**NEBV-B2W3F-P-K-0.6-N-M12W3**
			3679778	**NEBV-B2W3F-P-K-0.6-N-LE3**
	110 V	0,3 m	**3579463**	**NEBV-B2W3-K-0.3-N-M12W3**
		0,6 m	**3579464**	**NEBV-B2W3-K-0.6-N-M12W3**
	230 V		**3579468**	**NEBV-B2W3-K-0.6-N-LE3**

Phớt van



Cổng nối điện	Điện áp hoạt động danh định AC	Dải điện áp hoạt động DC	Số bộ phận	Loại
Dạng A, theo DIN EN 175301-803, thiết kế vuông MSC		12 ... 24 V	**19145**	**MC-LD-12-24DC**
	230 V		**19146**	**MC-LD-230AC**
Dạng B, thiết kế vuông MSF		12 ... 24 V	**19143**	**MF-LD-12-24DC**
	230 V		**19144**	**MF-LD-230AC**

Nhãn nhận dạng



Viết tắt loại	Số bộ phận	Loại
KMC/F/V	**33362**	**KMC/F/V-BZ-35X**